TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HS-ST
Ngày: 24 - 7 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Xuân Vinh và bà Trần Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Loan – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Anh T (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày 21 tháng 7 năm 1985 tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình (nay là tỉnh Quảng Trị); Nơi cư trú: Khu phố A, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (nay là khu phố A, phường B, tỉnh Quảng Trị); Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH Q; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Đoàn thể: Đảng viên Đ (đã đình chỉ sinh hoạt đảng từ ngày 26/6/2025); con ông Nguyễn Lương T1 (đã chết) và bà Hồ Thị T2, sinh năm 1956; Vợ là Lê Thị T3, sinh năm 1991; Con: Có 02 đứa (đứa lớn sinh năm 2015, đứa nhỏ sinh năm 2016); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Đại diện Đội thuế liên huyện Q - B (nay là T tỉnh Quảng Trị).

Địa chỉ: phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (nay là phường B, tỉnh Quảng Trị). Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Hồ Thị T2, sinh năm: 1956

Địa chỉ: khu phố A, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (nay là khu phố A, phường B, tỉnh Quảng Trị). Vắng mặt.

- Chị Lê Thị T3, sinh năm: 1991

Địa chỉ: khu phố A, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (nay là khu phố A, phường B, tỉnh Quảng Trị). Có mặt.

- Bà Đặng Thị Xuân N, sinh năm: 1976

Địa chỉ: tiểu khu E, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là tiểu khu E, phường Đ, tỉnh Quảng Trị). Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Nguyễn Anh T4, sinh năm: 1987

Địa chỉ: khu phố A, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (nay là khu phố A, phường B, tỉnh Quảng Trị). Vắng mặt.

- Đại diện Trường tiểu học Q1

Địa chỉ: xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là xã T, tỉnh Quảng Trị). Vắng mặt.

- Đại diện UBND xã Q (nay là UBND xã H)

Địa chỉ: xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là xã H, tỉnh Quảng Trị). Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Đại diện UBND xã Q (nay là UBND xã Q)

Địa chỉ: xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Q, tỉnh Quảng Trị). Vắng mặt

- Đại diện UBND phường B

Địa chỉ: phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (nay là phường B, tỉnh Quảng Trị). Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Đại diện Trường THPT Q2: ông Trần Ngọc V, sinh năm 1977; chức vụ: Hiệu trưởng nhà trường.

Địa chỉ: xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là xã P, tỉnh Quảng Trị). Có mặt.

- Đại diện UBND phường Q (nay là UBND phường B): Bà Trần Ngọc H – Phó chủ tịch Ủy ban.

Địa chỉ: phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (nay là phường B, tỉnh Quảng Trị). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạQ (TNHH) Quý Tùy được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên, đăng ký lần đầu ngày 01/12/2008, mã số thuế 3100436525, có địa chỉ trụ sở tại số A đường C, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (nay là A đường C, phường B, tỉnh Quảng Trị), do ông Nguyễn Lương T1, sinh năm 1953, trú tại khu phố A, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (nay là khu phố A, phường B, tỉnh Quảng Trị) làm Giám đốc và cũng là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Nguyễn Anh T, là thành viên góp vốn của Công ty. Ngày 23/5/2020, ông Nguyễn Lương T1 chết, mọi hoạt động Công ty do Nguyễn Anh T chịu trách nhiệm quản lý, điều hành. Ngày 30/11/2020, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Q cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên đăng ký thay đổi lần thứ 6, về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Anh T - Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty; bà Hồ Thị T2 là cổ đông góp vốn Công ty nhưng bà Hồ Thị T2 không tham gia hoạt động kinh doanh của công ty mà chỉ đứng trên danh nghĩa là thành viên góp vốn. Tất cả hoạt động của công ty do Nguyễn Anh T trực tiếp quản lý điều hành và thực hiện. Ngành nghề kinh doanh của công ty là "Tư vấn khảo sát, thiết kế xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và các công trình hạ tầng, kỹ thuật; Tư vấn giám sát các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và các công trình hạ tầng, kỹ thuật; Dịch vụ khảo sát, đo đạc và thiết lập các bản đồ địa hình, địa chính, địa chất, nguồn nước; Thẩm tra thiết kế - dự toán các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và công trình hạ tầng kỹ thuật...". Sau khi thành lập, Công ty TNHH Q lập và gửi thông báo việc phát hành hóa đơn cho cơ quan thuế 02 quyển hóa đơn giấy tự đặt in gồm: Quyển số 2, mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu QT/11P, từ số 0000051 đến số 0000100; Quyển số 3, mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu QT/11P, từ số 0000101 đến số 0000150. Trong quá trình hoạt động kinh doanh từ quý 1/2018 đến quý 1/2020 (thời điểm do ông Nguyễn Lương T1 làm Giám đốc), Công ty TNHH Q đã xuất cho khách hàng 08 hóa đơn GTGT với giá trị hàng hóa trước thuế là 120.037.801 đồng, thuế GTGT là 12.003.780 đồng, giá trị sau thuế là 132.041.581 đồng, nhưng không kê khai để nộp thuế theo quy định, gồm:

1. Mẫu số: 01GTKT3/001; ký hiệu: QT/11P; số: 0000074; Ngày 20 tháng 3 năm 2018; Họ tên người mua hàng: Trường tiểu học Q1; Tên đơn vị: Trường tiểu học Q1; Mã số thuế: để trống (không ghi mã số thuế người mua); Địa chỉ: để trống

(không ghi địa chỉ); Hình thức thanh toán: để trống; Tên hàng hóa, dịch vụ: quản lý và thẩm định Công trình: nâng cấp 4 phòng chức năng hàng rào bao quanh trường tiểu học; Đơn vị tính: để trống; Số lượng: để trống (không ghi số lượng); Đơn giá: để trống (không ghi đơn giá); T5 tiền: 12.823.636; Thuế suất GTGT: % (để trống, không ghi thuế suất thuế GTGT); Tiền thuế GTGT: 1.282.364; Tổng cộng tiền thanh toán: 14.106.000; Số tiền viết bằng chữ: Mười bốn triệu một trăm linh sáu ngàn đồng chẵn. (Chỉ còn liên 1 lưu tại quyển hóa đơn). Chữ ký, họ và tên tại mục người bán hàng trên hóa đơn là của ông Nguyễn Lương T1.

2. Mẫu số: 01GTKT3/001; ký hiệu: QT/11P; số: 0000075; Ngày 08 tháng 05 năm 2018; Họ tên người mua hàng: UBND Xã Q; Tên đơn vị: UBND xã Q; Mã số thuế: để trống (không ghi mã số thuế người mua); Địa chỉ: xã Q; Hình thức thanh toán: để trống; Tên hàng hóa, dịch vụ: Quản lý dự án công trình nhà bếp trường mầm non Xã Q; Đơn vị tính: để trống; Số lượng: để trống (không ghi số lượng); Đơn giá: để trống (không ghi đơn giá); T5 tiền: 6.194.545,00 đ; Thuế suất GTGT: 10%; Tiền thuế GTGT: 619.455,00; Tổng cộng tiền thanh toán: 6.814.000,00; Số tiền viết bằng chữ: (Sáu triệu, tám trăm mười bốn nghìn đồng). (Chỉ còn liên 1 lưu tại quyển hóa đơn). Chữ ký, họ và tên tại mục người bán hàng trên hóa đơn là của ông Nguyễn Lương T1.

3. Mẫu số: 01GTKT3/001; ký hiệu: QT/11P; số: 0000076; Ngày 08 tháng 05 năm 2018; Họ tên người mua hàng: UBND Xã Q; Tên đơn vị: UBND xã Q; Mã số thuế: để trống (không ghi mã số thuế người mua); Địa chỉ: xã Q; Hình thức thanh toán: để trống; Tên hàng hóa, dịch vụ: Giám sát dự án công trình nhà bếp trường mầm non Xã Q; Đơn vị tính: để trống; Số lượng: để trống (không ghi số lượng); Đơn giá: để trống (không ghi đơn giá); T5 tiền: 6.919.090,00; Thuế suất GTGT: 10%; Tiền thuế GTGT: 691.910,00; Tổng cộng tiền thanh toán: 7.611.000,00; Số tiền viết bằng chữ: (Bảy triệu, sáu trăm mười một nghìn đồng). (Chỉ còn liên 1 lưu tại quyển hóa đơn). Chữ ký, họ và tên tại mục người bán hàng trên hóa đơn là của ông Nguyễn Lương T1.

4. Mẫu số: 01GTKT3/001; ký hiệu: QT/11P; số: 0000079; Ngày 08 tháng 05 năm 2018; Họ tên người mua hàng: UBND Xã Q; Tên đơn vị: UBND xã Q; Mã số thuế: để trống (không ghi mã số thuế người mua); Địa chỉ: xã Q; Hình thức thanh toán: để trống; Tên hàng hóa, dịch vụ: Quản lý dự án các tuyến đường trong khu quy hoạch vùng đồng Võ thôn di Lộc xã Q; Đơn vị tính: để trống; Số lượng: để trống (không ghi số lượng); Đơn giá: để trống (không ghi đơn giá); T5 tiền: 4.688.259,00; Thuế suất GTGT: 10%; Tiền thuế GTGT: 468.826,00; Tổng cộng tiền thanh toán: 5.157.085,00; Số tiền viết bằng chữ: (Năm triệu, một trăm năm mươi bảy nghìn, không trăm tám mươi lăm đồng); (Chỉ còn liên 1 lưu tại quyển

hóa đơn). Chữ ký, họ và tên tại mục người bán hàng trên hóa đơn là của ông Nguyễn Lương T1.

5. Mẫu số: 01GTKT3/001; ký hiệu: QT/11P; số: 0000080; Ngày 08 tháng 05 năm 2018; Họ tên người mua hàng: UBND Xã Q; Tên đơn vị: UBND xã Q; Mã số thuế: để trống (không ghi mã số thuế người mua); Địa chỉ: xã Q; Hình thức thanh toán: để trống; Tên hàng hóa, dịch vụ: Giám sát dự án các tuyến đường trong khu Q xã Q; Đơn vị tính: để trống; Số lượng: để trống (không ghi số lượng); Đơn giá: để trống (không ghi đơn giá); T5 tiền: 5.316.363,00; Thuế suất GTGT: 10%; Tiền thuế GTGT: 531.637,00; Tổng cộng tiền thanh toán: 5.848.000,00; Số tiền viết bằng chữ: (Năm triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng); (Chỉ còn liên 1 lưu tại quyển hóa đơn). Chữ ký, họ và tên tại mục người bán hàng trên hóa đơn là của ông Nguyễn Lương T1.

6. Mẫu số: 01GTKT3/001; ký hiệu: QT/11P; số: 0000081; Ngày 13 tháng 12 năm 2018; Họ tên người mua hàng: UBND Xã Q; Tên đơn vị: UBND Xã Q; Mã số thuế: để trống (không ghi mã số thuế người mua); Địa chỉ: xã Q - Huyện Q - Tỉnh Quảng Bình; Hình thức thanh toán: để trống; Tên hàng hóa, dịch vụ: KCH kênh mương nội đồng thôn H - xã Q; Đơn vị tính: để trống; Số lượng: để trống (không ghi số lượng); Đơn giá: để trống (không ghi đơn giá); T5 tiền: 43.631.818,00 đ; Thuế suất GTGT: 10%; Tiền thuế GTGT: 4.363.182,00 đ; Tổng cộng tiền thanh toán: 47.995.000,00đ; Số tiền viết bằng chữ: (Bốn mươi bảy triệu, chín trăm, chín mươi lăm nghìn đồng chẵn); (Chỉ còn liên 1 lưu tại quyển hóa đơn). Chữ ký, họ và tên tại mục người bán hàng trên hóa đơn là của ông Nguyễn Lương T1.

7. Mẫu số: 01GTKT3/001; ký hiệu: QT/11P; số: 0000082; Ngày 21 tháng 01 năm 2019; Họ tên người mua hàng: UBND phường B; Tên đơn vị: UBND phường B; Mã số thuế: để trống (không ghi mã số thuế người mua); Địa chỉ: Phường B - Thị xã B - Tỉnh Quảng Bình; Hình thức thanh toán: để trống; Tên hàng hóa, dịch vụ: Quản lý dự án công trình Nghĩa trang liệt sỹ thị trấn B; Đơn vị tính: để trống; Số lượng: để trống (không ghi số lượng); Đơn giá: để trống (không ghi đơn giá); T5 tiền: 38.799.090,00 đ; Thuế suất GTGT: 10%; Tiền thuế GTGT: 3.879.910,00 đ; Tổng cộng tiền thanh toán: 42.679.000,00đ; Số tiền viết bằng chữ: (Bốn mươi hai triệu, sáu trăm bảy mươi chín nghìn đồng); (Còn liên 1, liên 3 lưu tại quyển hóa đơn). Chữ ký, họ và tên tại mục người bán hàng trên hóa đơn là của ông Nguyễn Lương T1.

8. Mẫu số: 01GTKT3/001; ký hiệu: QT/11P; số: 0000083; Ngày 25 tháng 02 năm 2020; Họ tên người mua hàng: Trường THPT Q2; Tên đơn vị: Trường THPT Q2; Mã số thuế: để trống (không ghi mã số thuế người mua); Địa chỉ: xã Q - huyện Q - Tỉnh Quảng Bình; Hình thức thanh toán: để trống; Tên hàng hóa, dịch vụ: Trả

tiền thẩm tra thiết kế - dự toán công trình: Sữa chữa nhà công vụ trường trung học phổ thông Q2; Đơn vị tính: để trống; Số lượng: để trống (không ghi số lượng); Đơn giá: để trống (không ghi đơn giá); T5 tiền: 1.665.000; Thuế suất GTGT: 10%; Tiền thuế GTGT: 185.000; Tổng cộng tiền thanh toán: 1.850.000; Số tiền viết bằng chữ: (Một triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng); (Liên 1 còn lưu tại quyển hóa đơn, liên 3 đã xé rời và ghim lại tại quyển hóa đơn). Chữ ký, họ và tên tại mục người bán hàng trên hóa đơn là của ông Nguyễn Lương T1.

Tuy nhiên đến năm 2020, sau khi xảy ra thiên tai lũ lụt, trụ sở làm việc của Công ty TNHH Q (cũng là nhà ở) bị ngập lụt, nên một số tài sản, giấy tờ, tài liệu lưu trữ của công ty bị hư hỏng, mất, trong đó mất 02 quyển hóa đơn GTGT số 2 và số 3 mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu: QT/11P (thời điểm này ông Nguyễn Lương T1 đã chết). Ngày 04/11/2020, Công ty TNHH Q đã có thông báo mẫu (BC21/AC) trên hệ thống thuế điện tử gửi Chi cục thuế khu vực Q3 - B về các số hóa đơn bị mất chưa sử dụng mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu: QT/11P, từ số 0000073 đến số 0000300, số lượng 228 số, do là bà Hồ Thị T2 soạn thảo và Nguyễn Anh T gửi, nội dung lý do mất, cháy hỏng ghi trên báo cáo: "Ngập nước do lũ dâng cao ngày 18/10/2020, toàn bộ hóa đơn chứng từ bị cuốn trôi". Sau đó một thời gian, bà Hồ Thị T2 đã tìm lại được quyển hóa đơn GTGT mà Công ty báo mất trong quá trình dọn dẹp gia đình và có đưa lại cho Nguyên Anh T, sau đó Nguyên Anh T nhờ bà Hồ Thị T2 cất vào tủ đựng hồ sơ của công ty nhưng Nguyễn Anh T không làm thủ tục thông báo cho cơ quan T6 về việc đã tìm lại được quyển hóa đơn GTGT như trên.

Đến tháng 12/2020, các đơn vị chủ đầu tư mà công ty làm công trình, yêu cầu xuất hóa đơn để làm hồ sơ thanh toán nên Nguyễn Anh T đã sử dụng quyển hóa đơn GTGT đã báo mất trên để xuất 13 hoá đơn cấp cho các đơn vị liên quan, tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 2.010.217.089 đồng, thuế GTGT là 201.021.709 đồng, giá trị sau thuế là 2.311.239.798 đồng, nhưng không kê khai nộp thuế theo quy định, cụ thể:

1. Mẫu số: 01GTKT3/001; ký hiệu: QT/11P; số: 0000086; Ngày 21 tháng 4 năm 2020; Họ tên người mua hàng: Ủy ban nhân dân xã Q; Tên đơn vị: Ủy ban nhân dân xã Q; Mã số thuế: để trống (không ghi mã số thuế người mua); Địa chỉ: xã Q - huyện Q - Tỉnh Quảng Bình; Hình thức thanh toán: để trống; Tên hàng hóa, dịch vụ: Trả tiền thi công xây dựng công trình: Nhà lớp học 2 phòng khép kín trường mầm non K; Đơn vị tính: để trống; Số lượng: để trống (không ghi số lượng); Đơn giá: để trống (không ghi đơn giá); T5 tiền: 454.546.000; Thuế suất GTGT: 10%; Tiền thuế GTGT: 45.454.000; Tổng cộng tiền thanh toán: 500.000.000; Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm triệu đồng; (Chỉ còn liên 1 lưu tại

quyển hóa đơn). Chữ ký, họ và tên tại mục người bán hàng trên hóa đơn là của ông Nguyễn Anh T.

2. Mẫu số: 01GTKT3/001; ký hiệu: QT/11P; số: 0000087: Cả 03 liên gồm L, liên 2, liên 3 không còn lưu tại quyển hóa đơn. Công ty TNHH Q chỉ cung cấp cho cơ quan thuế bản pho tô liên 1 của số hóa đơn 000087; nội dung của tờ hóa đơn photo như sau: Ngày 26 tháng 4 năm 2020; Họ tên người mua hàng: Ủy ban nhân dân xã Q; Tên đơn vị: Để trống, không ghi tên đơn vị; Mã số thuế: để trống (không ghi mã số thuế người mua); Địa chỉ: xã Q - huyện Q; Hình thức thanh toán: để trống; Tên hàng hóa, dịch vụ: Thanh toán chi phí xây lắp công trình: Nhà vệ sinh trường mầm non K1; Đơn vị tính: để trống; Số lượng: để trống (không ghi số lượng); Đơn giá: để trống (không ghi đơn giá); T5 tiền: 90.909.000; Thuế suất GTGT: 10%; Tiền thuế GTGT: 9.091.000; Tổng cộng tiền thanh toán: 100.000.000; Số tiền viết bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn. Chữ ký, họ và tên tại mục người bán hàng trên hóa đơn là của ông Nguyễn Anh T.

3. Mẫu số: 01GTKT3/001; ký hiệu: QT/11P; số: 0000088; Ngày 12 tháng 10 năm 2020; Họ tên người mua hàng: Ủy ban nhân dân xã Q; Tên đơn vị: Ủy ban nhân dân xã Q; Mã số thuế: để trống (không ghi mã số thuế người mua); Địa chỉ: xã Q - huyện Q - Tỉnh Quảng Bình; Hình thức thanh toán: để trống; Tên hàng hóa, dịch vụ: Thanh toán chi phí xây lắp công trình: nhà lớp học 2 phòng khép kín Trường mầm non K; Đơn vị tính: để trống; Số lượng: để trống (không ghi số lượng); Đơn giá: để trống (không ghi đơn giá); T5 tiền: 181.818.181; Thuế suất GTGT: %: để trống, không ghi thuế suất thuế GTGT; Tiền thuế GTGT: 18.181.819; Tổng cộng tiền thanh toán: 200.000.000; Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm triệu đồng chẵn; (Chỉ còn liên 1 lưu tại quyển hóa đơn). Chữ ký, họ và tên tại mục người bán hàng trên hóa đơn là của ông Nguyễn Anh T.

4. Mẫu số: 01GTKT3/001; ký hiệu: QT/11P; số: 0000089; Ngày 14 tháng 1 năm 2021; Họ tên người mua hàng: UBND xã Q; Tên đơn vị: UBND xã Q; Mã số thuế: để trống (không ghi mã số thuế người mua); Địa chỉ: xã Q; Hình thức thanh toán: để trống; Tên hàng hóa, dịch vụ: trả tiền XD công trình nhà vệ sinh trường mầm non K1; Đơn vị tính: để trống, không ghi đơn vị tính; Số lượng: để trống (không ghi số lượng); Đơn giá: để trống (không ghi đơn giá); T5 tiền: 163.636.000; Thuế suất GTGT: %: để trống, không ghi thuế suất thuế GTGT; Tiền thuế GTGT: 16.364.000; Tổng cộng tiền thanh toán: 180.000.000; Số tiền viết bằng chữ: Một trăm tám mươi triệu đồng chẵn; (Chỉ còn liên 1 lưu tại quyển hóa đơn). Chữ ký, họ và tên tại mục người bán hàng trên hóa đơn là của ông Nguyễn Anh T.

5. Mẫu số: 01GTKT3/001; ký hiệu: QT/11P; số: 0000090; Ngày 15 tháng 1 năm 2021; Họ tên người mua hàng: UBND xã Q; Tên đơn vị: Ủy ban nhân dân xã

Q; Mã số thuế: để trống (không ghi mã số thuế người mua); Địa chỉ: xã Q - huyện Q; Hình thức thanh toán: để trống; Tên hàng hóa, dịch vụ: Thanh toán chi phí xây lắp công trình: nhà lớp học 2 phòng khép kín trường mầm non K; Đơn vị tính: để trống, không ghi đơn vị tính; Số lượng: để trống (không ghi số lượng); Đơn giá: để trống (không ghi đơn giá); T5 tiền: 618.181.000; Thuế suất GTGT: 10%; Tiền thuế GTGT: 61.819.000; Tổng cộng tiền thanh toán: 680.000.000; Số tiền viết bằng chữ: Sáu trăm tám mươi triệu đồng; (Chỉ còn liên 1 lưu tại quyển hóa đơn). Chữ ký, họ và tên tại mục người bán hàng trên hóa đơn là của ông Nguyễn Anh T.

6. Mẫu số: 01GTKT3/001; ký hiệu: QT/11P; số: 0000092; Ngày 28 tháng 1 năm 2021; Họ tên người mua hàng: Ủy ban nhân dân phường Q; Tên đơn vị: UBND phường Q; Mã số thuế: để trống (không ghi mã số thuế người mua); Địa chỉ: phường Q; Hình thức thanh toán: để trống; Tên hàng hóa, dịch vụ: thanh toán chi phí giám sát CT: xây dựng phòng học tiểu học Q4; Đơn vị tính: để trống, không ghi đơn vị tính; Số lượng: để trống (không ghi số lượng); Đơn giá: để trống (không ghi đơn giá); T5 tiền: 52.484.545; Thuế suất GTGT: 10%; Tiền thuế GTGT: 5.248.455; Tổng cộng tiền thanh toán: 57.733.000; Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi ba đồng chẵn; (Chỉ còn liên 1 lưu tại quyển hóa đơn). Chữ ký, họ và tên tại mục người bán hàng trên hóa đơn là của ông Nguyễn Anh T.

7. Mẫu số: 01GTKT3/001; ký hiệu: QT/11P; số: 0000093; Ngày 29 tháng 12 năm 2021; Họ tên người mua hàng: UBND phường Q; Tên đơn vị: UBND phường Q; Mã số thuế: để trống (không ghi mã số thuế người mua); Địa chỉ: phường Q - thị xã B; Hình thức thanh toán: để trống; Tên hàng hóa, dịch vụ: Thanh toán chi phí tư vấn giám sát công trình: Trung tâm văn hóa phường Q; Đơn vị tính: để trống, không ghi đơn vị tính; Số lượng: để trống (không ghi số lượng); Đơn giá: để trống (không ghi đơn giá); T5 tiền: 8.181.818; Thuế suất GTGT: 10%; Tiền thuế GTGT: 818.182; Tổng cộng tiền thanh toán: 9.000.000; Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu đồng chẵn; (Chỉ còn liên 1 lưu tại quyển hóa đơn). Chữ ký, họ và tên tại mục người bán hàng trên hóa đơn là của ông Nguyễn Anh T.

8. Mẫu số: 01GTKT3/001; ký hiệu: QT/11P; số: 0000094; Ngày 29 tháng 12 năm 2021; Họ tên người mua hàng: ủy ban nhân dân xã Q ; Tên đơn vị: để trống, không ghi tên đơn vị; Mã số thuế: để trống (không ghi mã số thuế người mua); Địa chỉ: khu phố A B; Hình thức thanh toán: để trống; Tên hàng hóa, dịch vụ: trả tiền xây lắp công trình nhà lớp học 2 phòng kép kín trường mầm non K; Đơn vị tính: để trống, không ghi đơn vị tính; Số lượng: để trống (không ghi số lượng); Đơn giá: để trống (không ghi đơn giá); T5 tiền: 54.404.545; Thuế suất GTGT: %, để trống, không ghi thuế suất thuế GTGT; Tiền thuế GTGT: 5.440.455; Tổng cộng tiền thanh

toán: 59.845.000; Số tiền viết bằng chữ: năm mươi chín triệu tám trăm bốn mươi lăm ngàn đồng chẵn; (Chỉ còn liên 1 lưu tại quyển hóa đơn). Chữ ký, họ và tên tại mục người bán hàng trên hóa đơn là của ông Nguyễn Anh T.

9. Mẫu số: 01GTKT3/001; ký hiệu: QT/11P; số: 0000096; Ngày 29 tháng 12 năm 2021; Họ tên người mua hàng: ủy ban nhân dân xã Q; Tên đơn vị: Ủy ban nhân dân xã Q; Mã số thuế: để trống (không ghi mã số thuế người mua); Địa chỉ: để trống, không ghi địa chỉ; Hình thức thanh toán: để trống; Tên hàng hóa, dịch vụ: trả tiền phí quản lý dự án công trình: nâng cấp cải tạo xây dựng mới 4 phía hàng rào cải tạo nâng cấp nhà văn hóa đình làng T; Đơn vị tính: để trống, không ghi đơn vị tính; Số lượng: để trống (không ghi số lượng); Đơn giá: để trống (không ghi đơn giá); T5 tiền: 11.820.000; Thuế suất GTGT: %, để trống, không ghi thuế suất thuế GTGT; Tiền thuế GTGT: 1.177.000; Tổng cộng tiền thanh toán: 13.003.000; Số tiền viết bằng chữ: Mười ba triệu không trăm không ba đồng; (Chỉ còn liên 1 lưu tại quyển hóa đơn). Chữ ký, họ và tên tại mục người bán hàng trên hóa đơn là của ông Nguyễn Anh T.

10. Mẫu số: 01GTKT3/001; ký hiệu: QT/11P; số: 0000097; Ngày 21 tháng 12 năm 2021; Họ tên người mua hàng: ủy ban ND xã Q; Tên đơn vị: Ủy ban ND xã Q; Mã số thuế: để trống (không ghi mã số thuế người mua); Địa chỉ: để trống, không ghi địa chỉ; Hình thức thanh toán: để trống; Tên hàng hóa, dịch vụ: trả phí xây lắp công trình nhà vệ sinh trường mầm non K1; Đơn vị tính: để trống, không ghi đơn vị tính; Số lượng: để trống (không ghi số lượng); Đơn giá: để trống (không ghi đơn giá); T5 tiền: 142.117.000; Thuế suất GTGT: %, để trống, không ghi thuế suất thuế GTGT; Tiền thuế GTGT: 156 329 000; Tổng cộng tiền thanh toán: để trống, không ghi số tiền; Số tiền viết bằng chữ: một trăm năm mươi sáu triệu ba trăm hai mươi chín ngàn đồng; (Chỉ còn liên 1 lưu tại quyển hóa đơn). Chữ ký tại mục người bán hàng trên hóa đơn là của ông Nguyễn Anh T.

11. Mẫu số: 01GTKT3/001; ký hiệu: QT/11P; số: 0000100; Ngày 18 tháng 4 năm 2022; Họ tên người mua hàng: UBND xã Q; Tên đơn vị: UBND xã Q; Mã số thuế: để trống (không ghi mã số thuế người mua); Địa chỉ: xã Q, huyện Q - tỉnh Quảng Bình; Hình thức thanh toán: để trống; Tên hàng hóa, dịch vụ: Trả phí quản lý dự án + giám sát công trình: Nhà văn hóa thôn H, xã Q; Đơn vị tính: để trống, không ghi đơn vị tính; Số lượng: để trống (không ghi số lượng); Đơn giá: để trống (không ghi đơn giá); T5 tiền: 89.205.000; Thuế suất GTGT: %, để trống, không ghi thuế suất thuế GTGT; Tiền thuế GTGT: 8.921.000; Tổng cộng tiền thanh toán: 98.126.000; Số tiền viết bằng chữ: Chín mươi tám triệu một trăm hai mươi sáu nghìn đồng chẵn; (Chỉ còn liên 1 lưu tại quyển hóa đơn). Chữ ký, họ và tên tại mục người bán hàng trên hóa đơn là của ông Nguyễn Anh T.

12. Mẫu số: 01GTKT3/001; ký hiệu: QT/11P; số: 0000106; Ngày 25 tháng 11 năm 2021; Họ tên người mua hàng: ủy ban nhân dân xã Q; Tên đơn vị: UBND xã Q; Mã số thuế: để trống (không ghi mã số thuế người mua); Địa chỉ: để trống, không ghi địa chỉ của người mua; Hình thức thanh toán: để trống; Tên hàng hóa, dịch vụ: trả tiền phí xây lắp gói thầu: nhà lớp học 2 phòng khép kín trường mầm non K; Đơn vị tính: để trống, không ghi đơn vị tính; Số lượng: để trống (không ghi số lượng); Đơn giá: để trống (không ghi đơn giá); T5 tiền: 52.004.000; Thuế suất GTGT: %, để trống, không ghi thuế suất thuế GTGT; Tiền thuế GTGT: 5.201.000; Tổng cộng tiền thanh toán: 57.205.000; Số tiền viết bằng chữ: năm mươi bảy triệu hai trăm linh năm ngàn đồng chẵn; (Chỉ còn liên 1 lưu tại quyển hóa đơn). Chữ ký, họ và tên tại mục người bán hàng trên hóa đơn là của ông Nguyễn Anh T.

13. Mẫu số: 01GTKT3/001; ký hiệu: QT/11P; số: 0000107; Ngày 26 tháng 11 năm 2021; Họ tên người mua hàng: ủy ban nhân dân xã Q; Tên đơn vị: UBND xã Q; Mã số thuế: để trống (không ghi mã số thuế người mua); Địa chỉ: để trống, không ghi địa chỉ của người mua; Hình thức thanh toán: để trống; Tên hàng hóa, dịch vụ: phí xây lắp công trình N1; Đơn vị tính: để trống, không ghi đơn vị tính; Số lượng: để trống (không ghi số lượng); Đơn giá: để trống (không ghi đơn giá); T5 tiền: 90.910.000; Thuế suất GTGT: 10%; Tiền thuế GTGT: 9.090.000; Tổng cộng tiền thanh toán: 100.000.000; Số tiền viết bằng chữ: một trăm triệu đồng chẵn; (Chỉ còn liên 1 lưu tại quyển hóa đơn). Chữ ký, họ và tên tại mục người bán hàng trên hóa đơn là của ông Nguyễn Anh T.

Tất cả 13 hóa đơn GTGT trên, Nguyễn Anh T đã xuất cho khách hàng tại thời điểm sau khi tìm lại được hóa đơn, tuy nhiên có 03 hoá đơn số 0000086, 0000087, 0000088 thì Nguyễn Anh T đã viết lùi thời gian lại (trước thời điểm báo mất hóa đơn ngày 12 tháng 10 năm 2020) trên hóa đơn để phù hợp với thời gian nghiệm thu thanh quyết toán công trình.

Tại Kết luận giám định ngày 16/10/2024 của Cục Thuế tỉnh Q kết luận số tiền trốn thuế của Công ty TNHH Q từ việc sử dụng không hợp pháp số hóa đơn GTGT để xuất thanh toán cho khách hàng và không kê khai thuế đối với hóa đơn đã xuất không hợp pháp nêu trên là: 578.470.045 đồng, trong đó: Thuế GTGT là 210.542.739 đồng; Thuế TNDN là 367.927.306 đồng.

Tại Kết luận giám định ngày 12/12/2024 của Cục Thuế tỉnh Q kết luận:

- Số tiền trốn thuế của Công ty TNHH Q trong khoảng thời gian ông Nguyễn Lương T1 làm người đại diện theo pháp luật là 10.177.179 đồng (trong đó thuế GTGT quý 1/2018 đến hết quý 1/2020 là 0 đồng, thuế TNDN năm 2018 và năm 2019 là 10.177.179 đồng).

- Số tiền trốn thuế của Công ty TNHH Q trong khoảng thời gian ông Nguyễn Anh T làm người đại diện theo pháp luật là 568.292.866 đồng (trong đó thuế GTGT từ quý 2/2020 đến năm 2022 là 210.542.739 đồng, thuế TNDN năm 2020, 2021 và 2022 là 357.750.127 đồng. Cụ thể: Thuế GTGT từ quý 2/2020 đến quý 4/2020 là 31.293.539 đồng; Năm 2021 là 170.328.200 đồng; Năm 2022 là 8.921.000 đồng; Thuế TNDN: Năm 2020 là 101.561.345 đồng; Năm 2021 là 238.747.782 đồng; Năm 2022 là 17.441.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 67/KL-KTHS ngày 13/01/2025 của Phòng K2 Công an tỉnh Q, kết luận:

- Về phần nội dung được viết trên các hóa đơn số 0000074, 0000089, 0000092, 0000094, 0000096, 0000097, 0000106, 0000107 là do bà Hồ Thị T2 viết ra; Chữ viết trên hóa đơn số 0000100 là do Nguyễn Anh T viết ra.

- Chữ ký dưới mục "Người bán hàng" trên các hóa đơn số 0000089, 0000090, 0000092, 0000094, 0000096, 0000097, 0000100, 0000107 so với chữ ký của Nguyễn Anh T là do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn có nội dung "CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUÝ TÙY ⋆ M.S.D.N: 3100436525 - C.T.T.N.H.H ⋆ TX. BA ĐỒN - T. QUẢNG BÌNH" các hóa đơn 0000074, 0000075, 0000076, 0000079, 0000080, 0000081, 0000082, 0000083, 0000089, 0000090, 0000092, 0000100, 0000107 so với hình dấu tròn của Công ty TNHH Q là do cùng một con dấu đóng ra;

- Hình dấu tròn có nội dung "CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUÝ TÙY ⋆ M.S.D.N: 3100436525 - C.T.T.N.H.H ⋆ TX. BA ĐỒN - T. QUẢNG BÌNH" hóa đơn 0000086 so với hình dấu tròn của Công ty TNHH Q không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Không kết luận hình dấu tròn có nội dung "CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUÝ TÙY ⋆ M.S.D.N: 3100436525 - C.T.T.N.H.H ⋆ TX. BA ĐỒN - T. QUẢNG BÌNH" hóa đơn 0000088 có phải do cùng một con dấu đóng ra hay không do hình dấu không đủ yếu tố giám định.

Tại Kết luận giám định số 166/KL-KTHS ngày 17/02/2025 của Phòng K2 Công an tỉnh Q, kết luận: Về phần nội dung được viết trên các hóa đơn số 0000086, 0000087, 0000088, 0000090, 0000093 là do Nguyễn Anh T4 viết ra.

Tại bản Cáo trạng số 22/CT-VKSBĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị) đã truy tố bị cáo Nguyễn Anh T về tội "Trốn thuế" theo quy định tại các điểm b, d khoản 2 Điều 200 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Anh T theo toàn bộ nội dung bản

cáo trạng, có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Bị cáo được áp dụng các tình tiết "Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả" và "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo được Ban chấp hành Đảng bộ phường B, thị xã B tặng Giấy khen Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong các năm 2020, 2021, có bố đẻ là ông Nguyễn Lương T1 là người có công với cách mạng. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tội danh và hình phạt: Đề nghị HĐXX áp dụng các điểm b, d khoản 2 Điều 200, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Anh T phạm tội "Trốn thuế" xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T từ 18 đến 21 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 42 tháng; Về biện pháp tư pháp: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b Điều 47 Bộ luật hình sự buộc bị cáo phải nộp lại số tiền trốn thuế chưa khắc phục là 365.864.002 đồng và tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 40.177.179 đồng mà bị cáo đã nộp trong giai đoạn điều tra, truy tố. Đối với các hóa đơn đã tịch thu là tài liệu cần được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhất trí với tội danh, mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị đã truy tố, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã lấy lời khai, thu thập chứng cứ đầy đủ nên việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về cấu thành tội phạm: tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình (nay là Viện kiểm sát nhân dân

khu vực 3, tỉnh Quảng Trị) đã truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Trong khoảng thời gian từ quý 2/2020 đến năm 2022, Công ty trách nhiệm hữu hạn Q, mã số thuế 3100436525, có địa chỉ trụ sở tại số A đường C, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (nay là A C, phường B, tỉnh Quảng Trị), do bị cáo Nguyễn Anh T làm Giám đốc, đã sử dụng không hợp pháp 13 số hóa đơn GTGT để xuất thanh toán cho khách hàng nhưng không kê khai nộp thuế và không kê khai thuế đối với hóa đơn đã xuất không hợp pháp để trốn thuế với số tiền 568.292.866 đồng, trong đó: Thuế GTGT: Từ quý 2/2020 đến quý 4/2020 là 31.293.539 đồng; Năm 2021 là 170.328.200 đồng; Năm 2022 là 8.921.000 đồng; Thuế TNDN: Năm 2020 là 101.561.345 đồng; Năm 2021 là 238.747.782 đồng; Năm 2022 là 17.441.000 đồng, sau đó thì bị phát hiện, lập hồ sơ xử lý.

Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo Nguyễn Anh T, đã phạm vào tội "Trốn thuế" quy định tại các điểm b, d khoản 2 Điều 200 của Bộ luật Hình sự, đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa.

[3] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện đã trực tiếp xâm phạm đến các quy định về quản lý thuế và các quy định trong lĩnh vực quản lý và sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng của Nhà nước; gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, làm giảm hiệu lực quản lý của các cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, gây ảnh hưởng đến hoạt động lành mạnh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế và gây nên sự tiêu cực về nhiều mặt trong đời sống xã hội. Bản thân bị cáo mặc dù vẫn thấy được hậu quả của việc trốn thuế, nhận thức được sự nghiêm khắc của pháp luật khi phát hiện có hành vi trốn thuế, tuy nhiên vì mục đích lợi nhuận, nên bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự để quyết định mức hình hình phạt tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức được việc làm sai trái của mình để có hướng khắc phục, sửa chữa lỗi lầm, bị cáo cũng đã khắc phục được một phần hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra. Ngoài ra, bị cáo được Ban chấp hành Đảng bộ phường B, thị xã B (nay là phường B, tỉnh Quảng Trị) tặng Giấy khen Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong các năm 2020, 2021, có bố đẻ là ông Nguyễn Lương T1 là người có công với cách mạng,

được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ, hạng Ba. Do đó cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, nên chưa cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp và cũng đã đủ nghiêm, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

[6] Về biện pháp tư pháp: số tiền thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp 568.292.866 đồng. Quá trình điều tra, bị cáo đã tự nguyện kê khai bổ sung xuất 06 hoá đơn điện tử thay thế cho 10 hoá đơn bất hợp pháp và nộp vào ngân sách số tiền thuế 172.428.864 đồng tại Đội thuế liên huyện Q - B và nộp tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q số tiền 30.000.000 đồng nhằm khắc phục một phần hậu quả trốn thuế. Trong giai đoạn truy tố, Nguyễn Anh T đã tự nguyện nộp số tiền 10.177.179 đồng do ông Nguyễn Lương T1 trốn thuế trong giai đoạn làm Giám đốc Công ty TNHH Q tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Số tiền trốn thuế còn lại 365.864.002 đồng mà Công ty trách nhiệm hữu hạn Q đã được hưởng thông qua hành vi trốn thuế của bị cáo chưa được khắc phục, nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự buộc bị cáo phải nộp để sung công quỹ nhà nước.

[7] Trong vụ án này còn có các cá nhân, tổ chức có liên quan gồm: Công ty TNHH Q được thành lập, chỉ đạo, điều hành, quản lý hoạt động, phục vụ lợi ích cho cá nhân Nguyễn Anh T. Hội đồng thành viên góp vốn chỉ trên danh nghĩa, không có góp vốn hay điều hành quản lý hoạt động của công ty, nên không phải chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại. Đối với các đơn vị chủ đầu tư đã sử dụng hóa đơn bất hợp pháp của Công ty TNHH Q, các đơn vị chủ đầu tư không biết và không phát hiện sai sót trong nội dung hóa đơn bất hợp pháp nên đã sử dụng để thanh quyết toán theo quy định. Do đó, không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự đối với cá nhân thuộc các đơn vị chủ đầu tư.

Đối với ông Nguyễn Lương T1 trong thời gian làm Giám đốc Công ty TNHH Q từ quý 1/2018 đến hết quý 1/2020, ông T1 đã có hành vi trốn thuế số tiền 10.177.179 đồng, tuy nhiên năm 2020 ông T1 đã chết nên không xem xét trách nhiệm xử lý vi phạm hành chính đối với ông T1.

Đối với thành viên góp vốn là bà Hồ Thị T2 và kế toán công ty là chị Lê Thị T3 (mẹ đẻ và vợ của bị cáo Nguyễn Anh T), được Nguyễn Anh T tự thêm tên vào thành viên góp vốn, nhằm để thuận tiện trong hoạt động của công ty về thủ tục, nhưng thực chất không góp vốn hay tham gia hoạt động kinh doanh của công ty.

Đối với việc viết nội dung vào các hóa đơn bất hợp pháp thì anh Nguyễn Anh T4 và Hồ Thị T2 không biết 13 hóa đơn trên là bất hợp pháp, chỉ viết vào hóa đơn theo các nội dung mà Tuyên đọc, không biết việc T không kê khai hạch toán các hóa đơn này để trốn thuế. Đối với chị Đặng Thị Xuân N được T thuê làm kế toán thời vụ, chỉ thực hiện việc kê khai, hạch toán thuế theo kỳ dựa trên chứng từ T cung cấp, việc T sử dụng 13 hóa đơn không hợp pháp nhưng không đưa cho N kê khai, cũng không thông báo việc đã tìm lại được quyển hóa đơn đã báo mất cho chị N nên hành vi của những người nói trên không đồng phạm với Nguyễn Anh T về tội "Trốn thuế".

[8] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Công an đã thu giữ, tạm giữ 21 hóa đơn, cụ thể: Mẫu số: 01GTKT3/001; ký hiệu: QT/11P; các số: 0000074; 0000075; 0000076; 0000079; 0000080; 0000081; 0000082; 0000083; 0000086; 0000087; 0000088; 0000089; 0000090; 0000092; 0000093; 0000094; 0000096; 0000097; 0000100; 0000106; 0000107; 01 quyển hoá đơn giá trị gia tăng mẫu số 01/GTKT3/001 Quyển số: 2, từ số 0000051 đến số 0000100 và 01 quyển hoá đơn giá trị gia tăng mẫu số 01/GTKT3/001 Quyển số: 3, từ số 0000101 đến số A. Đây là những tài liệu chứng cứ chứng minh tội phạm làm căn cứ truy tố, xét xử nên cần được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Anh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điểm b, d khoản 2 Điều 200; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Anh T phạm tội: *"Trốn thuế"*.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/7/2025).

Giao bị cáo Nguyễn Anh T về cho Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Quảng Trị phối hợp cùng với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Nguyễn Anh T phải nộp lại số tiền 365.864.002 đồng để sung vào công quỹ nhà nước.

Sung vào công quỹ nhà nước số tiền 40.177.179 đồng mà bị cáo đã nộp trong quá trình điều tra, truy tố. Cụ thể: nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn (nay là Phòng thi hành án khu vực 3 – Quảng Trị) số tiền 10.177.179 đồng theo biên lai số 0003477 ngày 11/6/2025 và nộp tại Cơ quan điều tra Công an tỉnh Q, hiện đã ủy nhiệm chi cho Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn (nay là Phòng thi hành án khu vực 3 – Quảng Trị) theo giấy ủy nhiệm chi số 03 ngày 20/6/2025.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Anh T phải nộp 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ (đối với người vắng mặt)./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- CA tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 3, Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo, người TGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Hữu Tình